TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2017/DS – PT
Ngày: 10/7/2017
V/v " Đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Ông Phạm Kim Của

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Võ Thị Hoa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 10 tháng 7 năm 2017 tại tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 95/2017/TLPT- DS ngày 18 tháng 5 năm 2017 về việc " Đòi lại tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2017/DS – ST ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 122 /2017/QĐPT-DS ngày 07 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Đ,** sinh năm 1955 (có mặt);

Địa chỉ: ấp 4, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Chị **Võ Thị T,** sinh năm 1967;

Anh **Lưu Văn N,** sinh năm 1973;

Cùng địa chỉ: ấp 4, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Chị T, anh N vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

- *Người kháng cáo :* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Vào năm 2000, mẹ ruột bà là Nguyễn Thị H có bán cho bà 2.102m^2 đất thuộc một phần thửa 504 tờ bản đồ số 01, còn lại 584m^2 đất. Tuy nhiên, vào năm 1990 bà H có cho bà một căn nhà tọa lạc trên diện tích 584m^2 thuộc một phần thửa 504 tờ bản đồ số 01, tọa lạc ấp 4, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre. Khi bán thì trên phần đất 2.102m^2 có 03 cây dừa bị hư, nên mẹ bà thỏa thuận bù cho bà 03 cây dừa trên phần đất 584m^2.

Năm 2001, bà H cho bà 584m^2 đất và 01 căn nhà tọa lạc trên đất, nhưng không làm giấy tờ. Đến năm 2002 mẹ bà mất, thì ông Nguyễn Văn D1 (anh thứ 5 của bà) đến dỡ một căn trên của căn nhà, chỉ chừa cho bà 01 căn nhà dưới để sử dụng. Năm 2003, ông Nguyễn Văn D2 (em ruột của bà) từ Bình Phước về tranh chấp với bà phần đất này.

Trong thời gian chờ Tòa án giải quyết tranh chấp, thì vào ngày 08/5/2006 anh Lưu Văn N và vợ là Võ Thị T đến dỡ căn nhà dưới còn lại, đập bể và đốt của bà một cái máng xi măng, bên trong có 05kg lưới rào vịt, 25 kg lúa. Ngoài ra, chị T, anh N còn lấy của bà một cái dao mũi nhọn; 02 cây xào giật dừa có gắn kèm 02 lưỡi giật dừa; qua nhà bà lấy 23 trái dừa khô; dời trụ rào lấn sang phần đất của bà (thửa 1833) chiều ngang 02m. Khi sự việc xảy ra, bà có ngăn cản nhưng anh N và chị T trói tay bà.

Sau khi bị trói tay, bà có đến công an xã B để trình báo sự việc. Công an xã có lập biên bản sự việc. Ủy ban nhân dân xã có tổ chức hòa giải nhưng không thành, nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị T, anh N phải trả cho bà giá trị các tài sản: 01 cái máng xi măng, 02 cây sào giật dừa gắn kèm lưỡi, 23 trái dừa khô, 25 kg lúa, 05 kg lưới rào vịt, 01 con dao nhọn. Tổng cộng trị giá 950.000 đồng và yêu cầu Tòa án buộc anh Lưu Văn N phải xin lỗi công khai vì đã có hành vi trói tay, nhục mạ bà. Đối với căn nhà bị tháo dỡ bà không yêu cầu, khi nào có kết quả xét xử tranh chấp đất, bà sẽ khởi kiện sau.

Ngày 15/01/2016 bà Đ xin thay đổi yêu cầu khởi kiện. Bà chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị T, anh N trả cho bà 06 trái dừa, 02 cây xào giật dừa có gắn lưỡi giật dừa, 01 con dao. Đối với 06 trái dừa và 01 con dao bà yêu cầu chị T, anh N bồi thường theo giá Hội đồng định giá đã định vào ngày 02/6/2016. Đối với 02 cây sào giật dừa và lưỡi giật dừa, bà yêu cầu bồi thường theo giá bà đã mua trước đây là 300.000 đồng/02 cây. Bà đồng ý với giá của Hội đồng định giá đã định vào ngày 02/6/2016 và không có ý kiến gì. Bà yêu cầu chị T, anh N có N vụ trả cho bà chi phí định giá 280.000 đồng.

Theo án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn là chị Võ Thị T trình bày:

Vào năm 2002, chị có nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn D1 thửa đất số 503, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp 4, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre với giá 15 chỉ vàng 24k. Năm 2003 chị được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi mua phần đất này có 16 cây dừa và 01 ngôi nhà.

Từ khi mua đất, chị không vào sử dụng cho đến ngày 08/5/2006 khi thấy bà Đ và hai con gái của bà vào hái dừa trên phần đất này thì chị mới ngăn cản và lấy dừa lại. Khi ngăn cản, do bà Đ đánh chị nên chồng chị là anh Lưu Văn N có can ngăn. Lúc này bà Đ có cầm dao, vì bà sợ bà Đ chém anh N nên chị có giật bỏ dao, chứ không có lấy con dao như bà Đ trình bày. Đối với 02 cây sào giật dừa có gắn lưỡi thì chị và anh N có lấy. Chị và anh N không có qua nhà bà Đ lấy các vật dụng như bà Đ trình bày. Riêng đối với 06 trái dừa thì chị T thừa nhận có lấy nhưng cho rằng đây là dừa bà Đ hái từ phần đất của chị nên lấy làm bằng chứng. Hiện 06 trái dừa đã hư, chị còn giữ 02 cây sào giật dừa có gắn kèm lưỡi.

Qua yêu cầu của bà Đ, chị không đồng ý trả 02 cây sào giật dừa và 06 trái dừa, chỉ đồng ý trả nếu bà Đ trả cho chị giá trị tiền bà Đ hái dừa trên phần đất của chị từ năm 2003 đến năm 2009. Ngày 03/8/2015 chị và anh N có nhận được thông báo số 127/TB-TA ngày 03/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện B thông báo nếu chị và anh N có yêu cầu bà Đ trả lại số tiền hái dừa là 5.400.000 đồng thì phải làm đơn khởi kiện và nộp tạm ứng án phí. Tuy nhiên, do bà Đ chối bỏ việc hái dừa và chị không có thời gian tham gia phiên tòa nên không có khởi kiện. Đối với biên bản định giá ngày 02/6/2016 chị thống nhất với giá của Hội đồng định giá đã định và không có ý kiến gì. Đối với chi phí định giá là 280.000 đồng, chị không đồng ý trả cho bà Đ.

Đối với anh Lưu Văn N vắng mặt trong suốt thời gian tiến hành tố tụng nên Tòa án cấp sơ thẩm không lấy được lời khai, cũng như không hòa giải được đối với anh N.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện B đưa vụ án ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 13/2017/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện B đã tuyên:

Áp dụng Điều 166 Bộ luật Dân sự ;

Căn cứ Điều 227, 228, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án.

1)- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ đối với chị Võ Thị T và anh Lưu Văn N.

2)- Buộc chị Võ Thị T và anh Lưu Văn N phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền hai cây sào giật dừa có gắn kèm lưỡi giật dừa và 06 trái dừa, trị giá 330.000 đồng.

Buộc chị T, anh N phải hoàn lại cho bà Đ chi phí định giá là 280.000 đồng.

Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu chị Võ Thị T và anh Lưu Văn N phải bồi thường giá trị 01 con dao là 120.000 đồng.

Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ về việc yêu cầu anh Lưu Văn N phải xin lỗi công khai.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí, các chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 11/4/2017 bà Nguyễn Thị Đ kháng cáo.

Theo đơn kháng cáo và trình bày của bà Nguyễn Thị Đ tại phiên tòa phúc thẩm thì bà kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 13/2017/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện B. Bà yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre sửa bản án sơ thẩm, buộc anh N và chị T phải bồi thường cho bà giá trị con dao là 120.000 đồng và buộc anh N phải công khai xin lỗi bà do anh N có hành vi trói tay bà.

* Quan điểm của kiểm sát viên:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Đ đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ. Buộc chị Võ Thị T và anh Lưu Văn N phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền hai cây sào giật dừa có gắn kèm lưỡi giật dừa và 06 trái dừa, trị giá 330.000 đồng; chi phí định giá là 280.000 đồng là có căn cứ, phần này các đương sự không kháng cáo nên phát sinh hiệu lực. Sau khi Tòa sơ thẩm tuyên án thì bà Đ chỉ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, buộc chị T và anh N liên đới trả cho bà giá trị con dao theo giá trị do Hội đồng định giá xác định là 120.000 đồng và yêu cầu anh N công khai xin lỗi bà do có hành vi trói tay bà.

Xét kháng cáo yêu cầu bồi thường con dao thì qua các biên bản làm việc của Công an xã B và Công an huyện B thì anh N và chị T đều không thừa nhận lấy con dao. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đ không có chứng cứ gì để chứng minh về việc anh N và chị T đã lấy con dao của bà, nên kháng cáo không có cơ sở chấp nhận.

Xét kháng cáo yêu cầu xin lỗi công khai, trong quá trình tham gia tố tụng, anh N không thừa nhận việc trói tay bà Đ. Tại phiên tòa, bà Đ không có chứng cứ chứng minh việc anh N trói tay bà, cũng như không có chứng cứ nào chứng minh bà bị thiệt hại, tổn thất về tinh thần, kháng cáo này cũng không có cơ sở nên không chấp nhận.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số13/2017/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng và tranh luận tại phiên tòa. Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Về tố tụng: Anh Lưu Văn N và chị Võ Thị T đã được triệu tập hợp lệ dự phiên tòa đến lần thứ hai, nhưng anh chị đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy,

Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N, chị T tại phiên tòa phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Đối với kháng cáo của bà Đ yêu cầu chị T và anh N phải liên đới trả cho bà một con dao lưỡi mác vót, bằng thép dài 30cm, cán bằng cây dài 30cm, trả bằng giá trị theo giá của Hội đồng định giá đã định ngày 02 tháng 6 năm 2016 là 120.000 đồng. Trong quá trình tham gia tố tụng, chị T không thừa nhận vợ chồng chị lấy con dao nêu trên của bà Đ. Căn cứ vào Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì bà Đ phải có nghĩa vụ thu thập, cung cấp cho Tòa án chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Tại phiên tòa, bà Đ cho rằng chứng cứ cho yêu cầu kháng cáo của bà là biên bản ngày 27/4/2009 của Công an huyện B về việc lấy lời khai anh Lưu Văn N.

Qua xem xét biên bản ngày 17/4/2009 của Công an huyện B về việc lấy lời khai anh Lưu Văn N, nội dung biên bản có ghi anh N khai: "*Vào trưa ngày 27/4/2006 thấy bà Đ đang thu hoạch dừa ở phần đất tôi mua, thì có xảy ra xô xát giữa vợ tôi và bà Đ, nghe la tôi đang cắt cỏ gần đó chạy về, lúc đó bà Đ đang cầm cây sào và con dao, tôi chạy lại giật lấy thì con bà Đ lấy trái dừa chọi tôi…*" **(BL 201)**.Với chứng cứ này có cơ sở xác định việc bà Đ bị mất con dao là do anh N giật lấy. Bà Đ kháng cáo yêu cầu anh N và chị T bồi thường con dao đã lấy của bà là có căn cứ. Tòa sơ thẩm bác yêu cầu này của bà Đ là đánh giá chứng cứ chưa toàn diện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Đ về yêu cầu anh N và chị T có nghĩa vụ liên đới bồi hoàn cho bà Đ giá trị con dao là đúng pháp luật. Theo biên bản định giá tài sản ngày 02/6/2016 thì con dao nêu trên có giá trị là 120.000 đồng, nên buộc vợ chồng anh N, chị T liên đới bồi hoàn số tiền này cho bà Đ.

[2] Đối với kháng cáo của bà Đ yêu cầu anh Lưu Văn N phải công khai xin lỗi bà, vì anh N đã kêu chị T lấy dây gân trói bà, chứng cứ cho việc bà kháng cáo cũng là biên bản ngày 17 tháng 4 năm 2009 của Công an huyện B về việc lấy lời khai anh N. Qua xem xét chứng cứ, tuy nội dung biên bản có ghi anh N trình bày: "*khi xảy ra tranh chấp thì anh có kêu vợ anh lượm sợi dây gân gần đó trói bà Đ, mới quấn được một tay thì bà Đ vung ra bỏ chạy, sự việc sau đó thì anh không biết"**(BL 68)***, nhưng quá trình tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm chị T không thừa nhận việc anh N yêu cầu chị trói tay bà Đ. Tại phiên tòa, bà Đ cho rằng còn chứng cứ là một số người có biết và nhìn thấy bà bị trói như: anh Nguyễn Hoàng O (người chạy xe ôm chở bà đến Công an xã B và Công an huyện B), chị Lê Thị D và chị Phan Thị Trúc L. Tuy nhiên, trong hồ sơ thể hiện lời khai của chị D là sự việc xảy ra sự việc vào ngày 08/5/2006, chị nhìn thấy bà Đ không bị trói; chị L thì thấy bà Đ bị trói tay nhưng không thấy ai đi cùng; anh Nguyễn Hoàng O thì trình bày có chở bà Đ đến công an xã B và công an huyện B vào ngày 27 tháng 4 năm 2006, không phải thời điểm xảy ra sự việc nêu trên. Hơn nữa, bà Đ không chứng minh được việc anh N nhục mạ bà, cũng như chứng minh bà bị thiệt hại, tổn thất về tinh thần. Do đó, Tòa sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà về việc buộc anh N xin lỗi công khai bà là có căn cứ. Tại phiên

tòa phúc thẩm, bà Đ cũng không có chứng cứ gì mới để chứng minh việc anh N trói tay bà, nhục mạ bà về tinh thần, kháng cáo phần này của bà Đ là không có cơ sở nên không chấp nhận.

[3] Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đ (chấp nhận về yêu cầu bồi thường giá trị con dao nêu trên; không chấp nhận yêu cầu xin lỗi công khai).

Bà Đ không phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận một phần. Hoàn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà Đ (Căn cứ theo Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015)

Những nội dung quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có một phần không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 148, khoản 2 Điều 308 và Điều 309, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 166 Bộ luật Dân sự ; Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ.

Sửa một phần bản án sơ thẩm số 13/2017/DSST ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện B.

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ về việc đòi bồi thường tài sản (giá trị con dao lưỡi mác vót, bằng thép dài 30cm, cán bằng cây dài 30cm).

Buộc anh Lưu Văn N và chị Võ Thị T phải liên đới bồi thường cho bà Nguyễn Thị Đ giá trị 01 con dao là 120.000 đồng (một trăm hai mươi ngàn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ về việc yêu cầu anh Lưu Văn N phải xin lỗi công khai.

Án phí dân sự sơ thẩm: bà Đ không phải chịu. Hoàn tạm ứng án phí sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền là 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0015008 ngày 16 tháng 6 năm 2015 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B.

Chị Võ Thị T và anh Lưu Văn N phải liên đới nộp án phí 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ không phải chịu. Hoàn tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền là 300.000đ (Ba trăm ngàn

đồng) theo biên lai thu số 0005518 ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre(1b);
- TAND huyện B(1b);
- Chi cục THADS huyện B (1b);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp(3b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Ngọt